

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

Số/No: 318 /BSG-KTTK
Giải trình BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2023
Explanation of the consolidated FS
of 1st quarter of 2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ho Chi Minh City, April 26 2023

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước / The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM / Ho Chi Minh Stock Exchange

Tên tổ chức : Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : SAB
Security symbol : SAB
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2023 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation (SABECO) explained the consolidated financial statement of 1st quarter of 2023 as follows:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:
Consolidated income statement:

Đơn vị tính: VND/ Unit: VND

KHOẢN MỤC/ ITEMS	Quarter 1		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2023	2022		
A	1	2	3=1-2	4=3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	6.240.141.466.838	7.358.317.619.392	-1.118.176.152.554	-15%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	26.207.019.458	51.961.290.683	-25.754.271.225	-50%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	6.213.934.447.380	7.306.356.328.709	-1.092.421.881.329	-15%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold and services provided	4.298.944.721.980	5.129.310.041.296	-830.365.319.316	-16%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross Profit	1.914.989.725.400	2.177.046.287.413	-262.056.562.013	-12%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	358.409.422.073	228.804.104.459	129.605.317.614	57%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	21.288.714.153	10.733.332.408	10.555.381.745	98%

- Trong đó: Chi phí lãi vay/ Including: Interest expenses	17,523,731,719	10,997,727,944	6,526,003,775	59%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết/ Share of profits in associates and jointly controlled entities	44,461,836,204	55,010,195,235	-10,548,359,031	-19%
9. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	861,350,744,768	755,266,142,154	106,084,602,614	14%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	182,207,597,561	164,925,126,088	17,282,471,473	10%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	1,253,013,927,195	1,529,935,986,457	-276,922,059,262	-18%
12. Thu nhập khác/ Other income	1,893,047,782	3,807,243,948	-1,914,196,166	-50%
13. Chi phí khác/ Other expenses	2,684,635,430	2,047,531,333	637,104,097	31%
14. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	-791,587,648	1,759,712,615	-2,551,300,263	-145%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	1,252,222,339,547	1,531,695,699,072	-279,473,359,525	-18%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	186,971,581,113	276,881,494,261	-89,909,913,148	-32%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/ (benefit) – deferred	61,203,288,544	18,589,718,921	42,613,569,623	229%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	1,004,047,469,890	1,236,224,485,890	-232,177,016,000	-19%

Kết quả kinh doanh thấp hơn so với quý 1 năm ngoái do thị trường tiếp tục suy yếu sau thời gian Tết nguyên đán trong bối cảnh Nghị định 100 có dấu hiệu siết chặt tại các thành phố trọng điểm, kết hợp với bất ổn kinh tế toàn cầu và tiêu dùng chậm lại.

Business performance has been lower than the first quarter of last year due to ongoing weakness in the market after TET amid signs of Decree 100 tightening in key cities, compounded by global economic uncertainty and slowing consumption.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2023 của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of the financial indicators on SABECO's consolidated financial statements of 1st quarter of 2023.

Trân trọng./.

Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- CT. HĐQT/ Chairman;
- Lưu: Văn thư/ Save at the Office.

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

[Signature]

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT
SÀI GÒN

M.S.D.N: 0300583859 - C.T.C.P
QUẬN PHƯỚC BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Neo Jim Song Bennett